**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM**

**TRƯỜNG THPT B KIM BẢNG**

**KẾ HOẠCH DẠY VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: TIN HỌC; KHỐI LỚP 12**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

**HÀ NAM – 2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT B KIM BẢNG****TỔ: TOÁN – TIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: TIN HỌC; KHỐI LỚP 12**

**NĂM HỌC: 2024-2025**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Tình hình số lớp, số học sinh**

- Số lớp: 2 ; Số học sinh:

- Số học sinh lựa chọn chuyên đề CS: 0 học sinh; ICT: 84 học sinh.

**2. Tình hình đội ngũ**

- Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Đại học: 2; Trên đại học: 0

- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 00; Khá: 02; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính, máy chiếu | Máy tính: 5Máy chiếu: 1 | CĐ B. Bài 3. Thực hành thiết lập kết nối và sử dụng mạngCĐ **AICT**. Bài 1. Thực hành kết nối máy tính với ti vi thông minh CĐCĐ **AICT.**  Bài 2: Thực hành theo nhóm: Kết nối các thiết bị không dây cho ứng dụngCĐ F. Bài 3. Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kếtCĐ F. Bài 4. Trình bày nội dung theo dạng danh sách, bảng biểuCĐ F. Bài 5. Chèn hình ảnh, âm thanh, video và sử dụng khungCĐ F. Bài 6. Tạo biểu mẫuCĐ F. Bài 7. Thực hành tạo biểu mẫuCĐ F. Bài 8: Làm quen với CSSCĐ F. Bài 9. Thực hành định dạng một số thuộc tính CSSCĐ F. Bài 10. Bộ chọn lớp, bộ chọn định danhCĐ F. Bài 11. Mô hình hộp, bố cục trang webCĐ F. Bài 12. Dự án nhỏ: Tạo trang web báo tườngCĐ **EICT** Bài 1. Giới thiệu phần mềm tạo websiteCĐ **EICT** Bài 2. Tạo website bằng phần mềmCĐ **EICT** Bài 3. Tạo thanh điều hướng cho trang webCĐ **EICT** Bài 4. Tạo nội dung văn bản cho trang webCĐ **EICT** Bài 5. Tạo nội dung hình ảnh cho trang webCĐ **EICT** Bài 6. Tạo biểu mẫu cho trang web và xuất bản websiteCĐ **EICT** Bài 7. Tạo sản phẩm theo nhóm (Bài tập nhóm) | Có thể thực hành tại các phòng học trên máy chiếu |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng tin học | 01 | Sử dụng trong các giờ Bài thực hành và các tiết minh họa trực quan. |  |

**II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**Phân phối chương trình môn Tin học lớp 12**

Cả năm: 35 tuần (70 tiết). Học kì 1: 18 tuần (36 tiết). Học kì 2: 17 tuần (34 tiết)

**HỌC KỲ I**

**18 tuần (36 tiết)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  | **Chủ đề/ bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
|  | **CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC** |  |
| 1 | **Bài 1: Giới thiệu trí tuệ nhân tạo** | 2Tiết (1+2) | 1. **Kiến thức**

- Giải thích được sơ lược về khái niệm Trí tuệ nhân tạo (AI).- Nêu được ví dụ để thấy một hệ thống AI có tri thức, có khả năng suy luận và khả năng học,…- Biết được một số lĩnh vực nghiên cứu của AI.1. **Năng lực**

***Năng lực chung:****- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.*- Năng lực tự chủ và tự học:*biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:*biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.***Năng lực riêng:***- Giải thích được sơ lược về khái niệm Trí tuệ nhân tạo (AI).- Nêu được ví dụ minh hoạ cho một số ứng dụng điển hình của AI.1. **Phẩm chất**

- Hìnhthành ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật những kiến thức mới trong tin học.- Nghiêmtúc, tập trung, tích cực chủ động. |  |
| 2 | Bài 2: **Giới thiệu trí tuệ nhân tạo** | 1 Tiết (3) | **1. Kiến thức***Sau bài học này, HS sẽ:*- Chỉ ra được một số lĩnh vực của khoa học công nghệ, đời sống đã và đang phát triển mạnh mẽ dựa trên những thành tựu to lớn của AI.- Nêu được ví dụ minh hoạ cho một số ứng dụng điển hình của AI như: điều khiển tự động, chẩn đoán bệnh, nhận dạng chữ viết tay, nhận dạng tiếng nói và khuôn mặt, trợ lí ảo,…- Nêu được cảnh báo về sự phát triển của AI trong tương lai.**2. Năng lực*****Năng lực chung:****- Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Chỉ ra được sự phát triển của một số lĩnh vực khoa học và đời sống dựa trên những thành tựu to lớn của AI.- Nêu được một số ứng dụng điển hình của AI.- Nêu được mặt trái của sự phát triển AI.**3. Phẩm chất**- Hình thành ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật những kiến thức mới trong Tin học.- Biết đánh giá, phê phán các thông tin, nghiên cứu và tuyên bố về AI, giúp phân biệt giữa quảng cáo và thực tế.- Có khả năng sẵn sàng học hỏi và tự cập nhật kiến thức, bởi AI là một lĩnh vực không ngừng phát triển và đổi mới.- Biết đánh giá tác động, tiềm năng và giới hạn của các ứng dụng AI trong thực tế.- Rèn luyện tính kiên nhẫn và tập trung trong học tập.- Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động. |  |
|  | **CHỦ ĐỀ B: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET** |  |
| 3 | Bài 1. Cơ sở về mạng máy tính | 2 Tiết (4+5) | **1. Về kiến thức:**- Một số khái niệm mở đầu về mạng máy tính- Mạng cục bộ: Mạng LAN, Mạng WLAN- Mạng diện rộng và Internet**2. Về năng lực:*****- Năng lực chung:****+ Tự chủ và tự học*: Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác*+ Giao tiếp và hợp tác*: Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.*+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để giải quyết các vấn đề do giáo viên đặt ra. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.***- Năng lực tin học:*** + Nêu được chức năng chính của một số thiết bị mạng thông dụng: Access Point, Switch, Modem, Router.**3. Về phẩm chất:***-* Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khi được phân công.- Trung thực: Có ý thức báo cáo chính xác, khách quan về kết quả thực hiện nhiệm vụ.- Nhân ái: Đoàn kết, chia sẻ và giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập.- Yêu nước: Có trách nhiệm trong việc sử dụng các phần mềm bản quyền, có ý thức bảo bệ thông tin, góp phần đảm bảo an toàn thông tin mạng. |  |
| 4 | Bài 2. Các giao thức mạng | 2Tiết (6+7) | **1. Về kiến thức:**- Mô tả sơ lược vai trò và chức năng của giao thức mạng nói chung. - Vai trò và chức năng giao thức TCP/IP nói riêng trong việc kết nối mạng internet. **2. Về năng lực:****- Năng lực chung:**+ Tự chủ và tự học: Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác+ Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để giải quyết các vấn đề do giáo viên đặt ra. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.**- Năng lực tin học:** + NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): HS được rèn luyện, bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc tìm hiểu các kiến thức về mạng máy tính và Internet và kết nối mạng.**3. Về phẩm chất:**- Có thái độ học tập tốt để trở thành người có ích cho gia đình, xã hội, đất nước+ Chăm chỉ học tập, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.+ Nghiêm túc, có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của giáo viên. |  |
| 5 | Bài 3. Thực hành hiết lập kết nối và sử dụng mạng | 3Tiết (8+9+10) | **1. Về kiến thức**- Kết nối luôn máy tính với các thiết bị Access Point, Switch.- Kết nối được thiết bị di động vào mạng máy tính.- Sử dụng được các chức năng mà của hệ điều hành để chia sẻ tài nguyên.**2. Về năng lực****Năng lực chung:**- Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.- Giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong hoạt động nhóm.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; xác định và đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.**Năng lực tin học:****- Nla.** Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông. Học sinh thực hiện được các thao tác đơn giản: Lắp ráp các thiết bị mạng với máy tính. **3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập, tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập |  |
|  | **CHỦ ĐỀ D: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** |  |
| 6 | Giữ gìn tính nhân văn trong thế giới ảo | 2 Tiết (11+12) | **1. Kiến thức**- Phân tích được ưu và nhược điểm về giao tiếp trong thế giới ảo qua các ví dụ cụ thể.- Phân tích được tính nhân văn trong ứng xử ở một số tình huống tham gia thế giới ảo.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Hiểu được khái niệm không gian mạng.- Phân tích được ưu và nhược điểm về giao tiếp trong không gian mạng.**3. Phẩm chất**- Phát triển năng lực tư duy, phân tích và phê phán của HS.- Khuyến khích sáng tạo và tư duy logic trong việc áp dụng kiến thức. |  |
|  | **CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH** |  |
| 7 | Bài 1. Làm quen với ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản | 2 Tiết (13+14) | 1. Kiến thức- Khái niệm và chức năng của ngôn ngữ HTML.- Khái niệm thẻ HTML, phần tử HTML.- Cấu trúc trang web.- Phần mềm soạn thảo HTML.2. Năng lực- Hiểu khái niệm và chức năng của ngôn ngữ HTML.- Hiểu cấu trúc thẻ HTML, phần tử HTML, nhận dạng được thẻ HTML và phần tử HTML trong ví dụ cụ thể.- Hiểu và giải thích được cấu trúc trang web.- Biết về các phần mềm soạn thảo HTML, các ưu nhược điểm của từng phần mềm, từ đó lựa chọn được phần mềm soạn thảo phù hợp với nhiệm vụ và điều kiện thực tế.3. Phẩm chất- Hình thành ý thức trách nhiệm khi làm việc nhóm. Rèn tính cẩn thận, kiên trì, chăm chỉ học hỏi để hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 8 | Bài 2. Định dạng văn bản và tạo siêu liên kết | 2 Tiết (15+16) | **1. Kiến thức**- Trình bày được cách tạo nội dung trang web theo đoạn văn bản và cách tạo tiêu đề mục.- Liệt kê được một số cách làm nổi bật văn bản trên trình duyệt web.- Mô tả được cách tạo siêu liên kết.**2. Năng lực*****Năng lực chung:****- Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Hiểu được cách tạo nội dung trang web theo đoạn văn bản và cách tạo tiêu đề mục.- Hiểu được các thành phần khác nhau của văn bản cần có kiểu định dạng khác nhau, phù hợp và giúp nhấn mạnh nội dung.- Tạo được siêu liên kết.**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |  |
| 9 | Bài 3. Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kết | 2 Tiết (17+18) | **1. Về kiến thức**- Tạo được trang web đơn giản với các đoạn văn bản và các tiêu đề mục.- Làm nổi bật được nội dung văn bản trên màn hình trình duyệt web.- Tạo được siêu liên kết.**2. Năng lực*****Năng lực chung:****- Năng lực tự chủ*: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp.*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định và tìm hiểu được các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trong bài học.*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.***Năng lực tin học:***- *Nla:* Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin truyền thông- *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông tạo được trang web đơn giản (Tạo tiêu mục, làm nổi bật nội dung cho trang web và tạo sêu liên kết).**3. Phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể.- Trung thực: Rèn thói quen trung thựcvới các nhiệm vụ được giao |  |
| 10 | Kiểm tra định kì | 1 Tiết (19) | **Các yêu cầu cần đạt về chủ đê A,B,D,F từ Bài 1 đến bài 3** |  |
| 11 | Bài 4. Trình bày nội dung theo dạng danh sách, bảng biểu | 2 Tiết (20+21) | **1. Kiến thức**- Trình bày được nội dung dạng danh sách trên trang web.- Tạo được bảng biểu trên trang web.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Trình bày được nội dung dạng danh sách, bảng biểu trên trang web.**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |  |
| 12 | Bài 5: chèn hình ảnh, âm thanh, video và sử dụng khung | 1 Tiết (22+23) | **1. Kiến thức**- Chèn được hình ảnh, tệp âm thanh, video vào trang web.- Nhúng được nội dung trang web khác vào trang web.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:**** Chèn được các tệp tin đa phương tiện vào trang web.
* Nhúng được nội dung trang web khác vào trang web.

**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |  |
| 13 | Bài 6. Tạo biểu mẫu | 2 Tiết (24+25) | **1. Kiến thức**- Phát biểu được khái niệm biểu mẫu.- Mô tả được một số điều khiển hỗ trợ nhập dữ liệu trên trang web.- Nêu được một số lưu ý trong thiết kế biểu mẫu.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:*** - Trình bày được khái niệm biểu mẫu.- Nêu được một số điều khiển hỗ trợ nhập dữ liệu trên trang web.- Hiểu được một số lưu ý trong thiết kế biểu mẫu.**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |  |
| 14 | Bài 7. Thực hành tạo biểu mẫu | 2 Tiết (26+27) | **1. Kiến thức**- Tạo được biểu mẫu trên trang web.- Thêm được các điều kiện thông dụng vào biểu mẫu.- Thiết kế được biểu mẫu phù hợp với yêu cầu nhập dữ liệu.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Tạo được biểu mẫu phù hợp với yêu cầu nhập dữ liệu.**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |  |
| 15 | Bài 8.làm quen với css | 2 (28+29) | **1. Kiến thức**- Nêu được mục đích sử dụng CSS.- Mô tả được bộ chọn phần tử và cách áp dụng CSS.- Trình bày được một số thuộc tính định dạng CSS.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Hiểu được mục đích sử dụng CSS.- Biết cách khai báo bộ chọn phần tử và áp dụng CSS.- Nêu được một số thuộc tính định dạng CSS.**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |  |
| 16 | Bài 9: Thực hành định dạng một số thuộc tính | 2Tiết(30+31) | **1. Kiến thức**- Khai báo được bộ chọn phần tử.- Sử dụng được internal CSS, external CSS.- Sử dụng được một số thuộc tính CSS.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Biết cách khai báo và áp dụng định dạng internal CSS, external CSS.- Áp dụng được bảng định dạng external CSS đã có cho văn bản HTML.**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU** - GV: SGK, SBT Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng – Cánh diều, bài trình  |  |
| 17 | Bài 10: Bộ chọn lớp, bộ chọn định danh | 2Tiết(32+33) | **1. Kiến thức**- Sử dụng được bộ chọn lớp, bộ chọn định danh.**2. Năng lực*****Năng lực chung:*** *- Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.*- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.***Năng lực Tin học:***- Sử dụng được bộ chọn lớp, bộ chọn định danh.**3. Phẩm chất**- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.- Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |  |
| 18 | Ôn tập cuối kì I | 1Tiết 34 | **1. Về kiến thức**Bài học củng cố những kiến thức: từ bài 1 đến bài 10 chủ đề F.**2. Về năng lực**Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:***\* Năng lực chung:****- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình. ***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông)- NLb (Ứng xử phù hợp trong môi trường số) - Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông)- NLd (Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học )**3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể: Sẵn sàng, tự tin, có tinh thần trách nhiệm và sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học |  |
| 19 | Kiểm tra cuối kì I | 1 Tiết (35) | Đáp ứng YCCĐ của chủ đề A, chủ đề B, chủ đề D, từ bài 1 đến bài 10 chủ đề F |  |
| 20 | Bài 11: Mô hình hộp, bố cục trang web | 2Tiết (36) | ***1. Về kiến thức***- Mô tả được mô hình hộp trong trình bày phần tử HTML.- Trình bày được cách hiển thị phần tử theo khối, theo dòng.- Nhận diện được các thành phần cơ bản trong bố cục trang web.***2. Về năng lực****2.1. Năng lực chung*- Tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu về cách sử dụng mô hình hộp (box model)- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, thảo luận và xây dựng quan điểm chung về cách thiết lập các bộ chọn.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích, đánh giá tác động của đưa ra giải pháp, ý tưởng mới.*2.2. Năng lực Tin học*- NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông)***3. Về phẩm chất***- Tự tin: Đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. - Trách nhiệm: Nhận thức được trách nhiệm của cá nhân trong việc sử dụng - Năng động, sáng tạo: Tích cực tìm hiểu, sáng tạo trong ứng dụng. |  |
| **HỌC KỲ II****17 tuần (34 tiết)** |  |
| 1 | Bài 11: Mô hình hộp, bố cục trang web | 2 Tiết (37) | ***1. Về kiến thức***- Mô tả được mô hình hộp trong trình bày phần tử HTML.- Trình bày được cách hiển thị phần tử theo khối, theo dòng.- Nhận diện được các thành phần cơ bản trong bố cục trang web.***2. Về năng lực****2.1. Năng lực chung*- Tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu về cách sử dụng mô hình hộp (box model)- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, thảo luận và xây dựng quan điểm chung về cách thiết lập các bộ chọn.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích, đánh giá tác động của đưa ra giải pháp, ý tưởng mới.*2.2. Năng lực Tin học*- NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông)***3. Về phẩm chất***- Tự tin: Đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. - Trách nhiệm: Nhận thức được trách nhiệm của cá nhân trong việc sử dụng - Năng động, sáng tạo: Tích cực tìm hiểu, sáng tạo trong ứng dụng. |  |
| 2 | Bài 12: Dự án nhỏ: tạo trang web báo tường**HĐGD Tạo trang web báo tường** | 3Tiết (38 + 39+40) | **1. Kiến thức**- Ôn tập các kiến thức đã học về các thẻ HTML và định dạng văn bản với CSS- Sử dụng các phần tử HTML để tạo trang web- Sử dụng được bảng định dạng CSS để tạo trang web đa dạng và sinh động.**2. Năng lực**- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học về các thẻ HTML và định dạng văn bản với CSS để xây dựng và hoàn thiện một trang web- Có khả năng tự đánh giá sản phẩm, rút kinh nghiệm và điều chỉnh để hoàn thiện sản phẩm.- Phát triển tư duy logic, phân tích và định hướng trước khi thực hiện bất kì nhiệm vụ nào.1. **Phẩm chất**

- Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập- Hợp tác khi làm việc nhóm- Tổ chức, sắp xếp công việc một cách khoa học. |  |
|  | **CHỦ ĐỀ G: HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC** |  |
| 3 | Bài 1: Giới thiệu về nhóm nghề dịch vụ và quản trị trong ngành công nghệ thông tin | 2 Tiết (41+42) | **1. Về kiến thức**- Thông tin hướng nghiệp nhóm nghề Dịch vụ và quản trị: sửa chữa và bảo trì máy tính, quản trị mạng, quản trị và bảo vệ hệ thống, bảo mật hệ thống thông tin.- Tự tìm kiếm và khai thác được thông tin hướng nghiệp về một số nghề trong nhóm nghề dịch vụ và quản trị ngành Công nghệ thông tin.**2. Năng lực*****Năng lực chung:****-  Năng lực tự chủ*: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp.*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định và tìm hiểu được các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trong bài học.- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.***Năng lực tin học:***- NLA (Sử dụng và quản lí các phương tiện CNTT và truyền thông): + Tự tìm kiếm và khai thác thông tin hướng nghiệp qua các chương trình đào tạo, thông báo tuyển nhân lực… về một vài ngành nghề khác trong lĩnh vực tin học.- NLD (ứng dụng công nghệ thông tin trong học và tự học)  :+ Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập+ Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo**3. Phẩm chất**-  Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |  |
| 4 | Bài 2. Một số ngành nghề khác trong ngành công nghệ thông tin và một số ngành nghề ứng dụng công nghệ thông tin  | 2 Tiết (43+44) | **1. Về kiến thức**-  Nêu được tên một số nghề trong ngành Công nghiệp phần mềm hoặc trong chuyển đổi số, đồng thời giải thích được vai trò và công việc của chuyên viên tin học trong một số ngành nghề.- Nêu được tên một số nghề ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Truyền thông đa phương tiện hoặc các lĩnh vực khác.**2. Năng lực*****Năng lực chung:****- Năng lực tự chủ*: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp.- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định và tìm hiểu được các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trong bài học.- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.***Năng lực tin học:******-*** NLA(Sử dụng và quản lí các phương tiện CNTT và truyền thông):+ Đọc hiểu được tên một số ngành nghề và lĩnh vực có sử dụng nhân lực tin học+ Giải thích được vai trò và công việc của chuyên viên tin học trong 1 số ngành nghề- NLC(Giải quyết vấn đề với sự hộ trợ của CNTT và truyền thông)+ Hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.**3. Phẩm chất:**- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.-  Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |  |
| 5 | Bài 3. Dự án nhỏ: Tìm hiểu thông tin tuyển sinh và hướng nghiệp về lĩnh vực đào tạo “Mạng máy tính và Công nghệ thông tin” ở Việt Nam | 3Tiết (45+46 + 47) | **1. Về kiến thức**- Thông tin hướng nghiệp nhóm nghề Dịch vụ và quản trị: sửa chữa và bảo trì máy tính, quản trị mạng, quản trị và bảo vệ hệ thống, bảo mật hệ thống thông tin.- Tự tìm kiếm và khai thác được thông tin hướng nghiệp về một số nghề trong nhóm nghề dịch vụ và quản trị ngành Công nghệ thông tin.-  Nêu được tên một số nghề trong ngành Công nghiệp phần mềm hoặc trong chuyển đổi số, đồng thời giải thích được vai trò và công việc của chuyên viên tin học trong một số ngành nghề.- Nêu được tên một số nghề ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Truyền thông đa phương tiện hoặc các lĩnh vực khác.**2. Năng lực*****Năng lực chung:****- Năng lực tự chủ*: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp.- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định và tìm hiểu được các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trong bài học.- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.***Năng lực tin học:******-*** NLA(Sử dụng và quản lí các phương tiện CNTT và truyền thông):+ Đọc hiểu được tên một số ngành nghề và lĩnh vực có sử dụng nhân lực tin học+ Giải thích được vai trò và công việc của chuyên viên tin học trong 1 số ngành nghề- NLC(Giải quyết vấn đề với sự hộ trợ của CNTT và truyền thông)+ Hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.**3. Phẩm chất:**- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.-  Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |  |
|  | **CHỦ ĐỀ AICT: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC THỰC HÀNH KẾT NỐI THIẾT BỊ SỐ** |  |
| 6 | Bài 1: Thực hành kết nối máy tính với ti vi thông minh  | 2 Tiết (48+49) | **1. Về kiến thức**- Kêt nối máy tính với ti vi thông minh qua kết nối không day- Thực hiện truyền các tệp âm thanh, hình ảnh và video giữa máy tính và ti vi thông minh phù hợp với nhu cầu sử dụng và đạt hiệu quả tốt**2. Về năng lực*****\* Năng lực chung:****- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình. ***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);+ Kết nối được máy tính với ti vi thông minh thông qua Wi - Fi.+ Kết nối được máy tính với ti vi thông minh thông qua Bluetooth.- Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);+ Thực hiện kết nối máy tính với một số thiết bị như tai nghe, bàn phím,… qua Bluethooth.- Nle (Hợp tác trong môi trường số):+ Gửi/nhận tệp ảnh, video, âm thanh… từ máy tính sang ti vi.**3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |  |
| 7 | Bài 2: Thực hành theo nhóm kết nối các thiết bị không dây cho ứng dụng | 3 Tiết (50+ 51+52) | 1. Về kiến thức - Biết một số phương thức kết nối máy tính với thiết bị số. - Kết nối được một số thiết bị thông minh. - Khai thác được các tính năng của thiết bị đó.**2. Về năng lực** ***\* Năng lực chung:****- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình. ***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông); - Nle (Hợp tác trong môi trường số)**-** Kết nối được máy tính với một số thiết bị số bằng các phương thức khác nhau, trong đó có các thiết bị nhà thông minh qua Internet.3. Về phẩm chất- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo. Khả năng thích ứng với công nghệ.- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |  |
| 8 | Kiểm tra định kì | 1 (53) | Đáp ứng YCCĐ chủ đề F bài 11+12, Chủ đề G, Chủ đề AICT |  |
|  | **CHỦ ĐỀ EICT: ỨNG DỤNG TIN HỌC THỰC HÀNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM TẠO TRANG WEB** |  |
| 9 | Bài 1. Giới thiệu phần mềm tạo website | 1 Tiết (54+55) | 1. Về kiến thức- Phần mềm tạo website. - Phần mềm tạo Mobirise.2. Về năng lực Năng lực chung**- Tự chủ và tự học:** Tự lực (Chủ động, tích cực thực hiện công việc của bản thân).**- Giao tiếp và hợp tác:** Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân (Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong các hoạt động nhóm).**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Hình thành và triển khai ý tưởng mới (Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập, suy nghĩ không theo lối mòn, tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau). Năng lực tin học**- NLc** (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): Biết về một số phần mềm tạo web các bước thực hiện tạo một website.3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ:** Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong việc học tập.**- Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện sử dụng thành thạo các mã lệnh. |  |
| 10 | Bài 2. Tạo website bằng phần mềm | 2 (56+57) | 1. Về kiến thức- Cấu trúc cơ bản của một website.- Tạo website bằng phần mềm.2. Về năng lực  Năng lực chung**- Tự chủ và tự học:** Tự lực (Chủ động, tích cực thực hiện công việc của bản thân).**- Giao tiếp và hợp tác:** Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân (Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong các hoạt động nhóm).**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Hình thành và triển khai ý tưởng mới (Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập, suy nghĩ không theo lối mòn, tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau). Năng lực tin học**- NLc** (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): Biết sử dụng được một số chức năng chính của phần mềm tạo website.3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ:** Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong việc học tập.**- Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện sử dụng thành thạo các bước thực hiện sửa web. |  |
| 11 | Bài 3. Tạo nhanh điều hướng cho trang web | 2 Tiết (58+59) | 1. Về kiến thức- Thanh điều hướng.2. Về năng lực Năng lực chung**- Tự chủ và tự học:** Tự lực (Chủ động, tích cực thực hiện công việc của bản thân).**- Giao tiếp và hợp tác:** Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân (Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong các hoạt động nhóm).**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Hình thành và triển khai ý tưởng mới (Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập, suy nghĩ không theo lối mòn, tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau). Năng lực tin học**- NLc** (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): Biết cách sử dụng thanh điều hướng trong website.- **NLD** (ứng dụng công nghệ thông tin trong học và tự học): tạo được thanh điều hướng cho trang web bằng phần mềm Mobirise.3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ:** Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong việc học tập.**- Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện sử dụng thành thạo các mã lệnh. |  |
| 12 | Bài 4. Tạo nội dung văn bản cho trang web | 2 Tiết (60+61) | **1. Về kiến thức**- Nội dung văn bản cho trang web: nội dung bài viết, chân trang.**2. Về năng lực***\* Năng lực chung:**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);+ Tạo được nội dung văn bản cho trang web: nội dung bài viết, chân trang.- Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);+ Sử dụng được một số tiện ích có sẵn của hệ điều hành để nâng cao hiệu suất sử dụng máy tính.**3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể.  |  |
| 13 | Bài 5. **Tạo nội dung hình ảnh cho trang web** | 2 Tiết (62+63) | **1. Về kiến thức**- Nội dung dạng hình ảnh trên trang web: ảnh đại diện, video, thư viện ảnh dưới dạng thanh trượt và bộ sưu tập.**2. Về năng lực***\* Năng lực chung:**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành v tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);+ Tạo được các nội dung dạng hình ảnh trên trang web: ảnh đại diện, video, thư viện ảnh dưới dạng thanh trượt và bộ sưu tập.- Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);+ Sử dụng được một số tiện ích tạo trang web trực tuyến có sẵn.**3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể.  |  |
| 14 | Bài 6. Tạo biểu mẫu cho trang web và xuất bản trang web. | 2Tiết  (64+65) | **1. Về kiến thức**- Biểu mẫu trên trang web.- Chế độ xem trước.- Xuất bản website**2. Về năng lực***\* Năng lực chung:**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành v tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);+ Tạo được các nội dung dạng hình ảnh trên trang web: ảnh đại diện, video, thư viện ảnh dưới dạng thanh trượt và bộ sưu tập.- Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);+ Sử dụng được một số tiện ích tạo trang web trực tuyến có sẵn.**3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể.  |  |
| 15 | Bài 7. Tạo sản phẩm theo nhóm. | 3Tiết (66 +67+68) | **1. Về kiến thức**- Tạo được website bằng phần mềm Mobirise.**2. Về năng lực***\* Năng lực chung:**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành v tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);+ Tạo được các nội dung dạng hình ảnh trên trang web: ảnh đại diện, video, thư viện ảnh dưới dạng thanh trượt và bộ sưu tập.- Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);+ Sử dụng được một số tiện ích tạo trang web trực tuyến có sẵn.**3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể.  |  |
| 17 | Ôn tập | 1(69) | **1. Về kiến thức**Bài học củng cố những kiến thức: từ bài 11 đến bài 12 chủ đề F, chủ đề G, chủ đề EICT, chủ đề AICT.**2. Về năng lực**Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:***\* Năng lực chung:****- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.*- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.*- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình. ***\* Năng lực tin học:*** - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông)- NLb (Ứng xử phù hợp trong môi trường số) - Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông)- NLd (Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học )**3. Về phẩm chất**- Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.- Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể: Sẵn sàng, tự tin, có tinh thần trách nhiệm và sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học |  |
| 17 | Kiểm tra cuối kì II | 1(70) | Đáp ứng YCCĐ từ bài 11 đến bài 12 chủ đề F, chủ đề G, AICT, EICT. |  |

**2. Kiểm tra đánh giá định kì**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra đánh giá | Thời gian làm bài | Yêu cầu cần đạt | Thời điểm | Hình thức |
| Giữa học kì 1 | 45 phút | Đáp ứng YCCĐ chủ đề A,B, D, F Bài 1 đến bài 3 | Trong tuần 10 | Trắc nghiệm  |
| Cuối học kì I | 45 phút | Đáp ứng YCCĐ chủ đề A,B, D, F Bài 1 đến bài 9 | Trong tuần 18 | Trắc nghiệm  |
| Giữ học kì II | 45 phút | Đáp ứng YCCĐ chủ đề F bài 11+12, Chủ đề G, Chủ đề AICT | Trong tuần 9 | Trắc nghiệm  |
| Cuối học kì II | 45 phút | Đáp ứng YCCĐ từ bài 11 đến bài 12 chủ đề F, chủ đề G, AICT, EICT. | Trong tuần 17 | Trắc nghiệm  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THPT B KIM BẢNG****TỔ:** TOÁN - TIN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**(Năm học 2024 - 2025)**

**MÔN: Tin Học**

1. **Khối lớp: 12; Số học sinh: 84 học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề****(1)** | **Yêu cầu cần đạt****(2)** | **Số tiết****(3)** | **Thời điểm****(4)** | **Địa điểm****(5)** | **Chủ trì****(6)** | **Phối hợp****(7)** | **Điều kiện thực hiện****(8)** |
| 1 | Tạo trang web báo tường | - Các kiến thức đã học về các thẻ HTML và định dạng văn bản với CSS- Sử dụng các phần tử HTML để tạo trang web- Sử dụng được bảng định dạng CSS để tạo trang web đa dạng và sinh động. | 2 Tiết 39+40 | 02/2024 | Lớp, phòng tin học |  |  | - Máy tính cài đặt phần mềm Python, Sublime Text* Máy chiếu

Loa, mic |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

 **1. Thực hiện Sinh hoạt chuyên môn theo hướng NCBH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên GV dạy minh họa | Tháng | Tên chủ đề/bài dạy | Địa điểm dạy | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Lê Thị Duyên | 11/2023 | Bảng và khóa chính | 11a1 | Tuần 11 kì I |  |

**2. Bồi dưỡng học sinh giỏi**

**-** Họ và tên GV phụ trách: Lê Thị Duyên Khối lớp: 12; Trương Văn Duyến Khối lớp: 10

- Chỉ tiêu phấn đấu: có giải

- Biện pháp thực hiện:

 + Lập kế hoạch dạy học (có kế hoạch kèm theo)

+ Tích cực tìm hiểu nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu khi thi.

+ Tuyển chọn học sinh ở môn bồi dưỡng.

 + Có kế hoạch bài dạy bồi dưỡng.

 + Trang bị kiến thức cơ bản chính xác, khoa học.

 + Đảm bảo điểm trung bình môn môn dự thi học sinh giỏi tỉnh phải từ giỏi trở lên.

 + Dạy đúng theo kế hoạch, sát với chương trình.

 + Thực hiện đúng theo thời khoá biểu đã phân công.

 + Đề xuất chương trình, nội dung bồi dưỡng, thực hiện có chất lượng việc dạy các chuyên đề (nếu thấy chất lượng chuyên đề dạy học sinh tiếp thu chưa đảm bảo phải tiếp tục củng cố, bổ sung kiến thức, kĩ năng cho học sinh trước khi dạy sang chuyên đề khác)

 + Thường xuyên theo dõi, giúp đỡ học sinh trong học tập, kiểm soát việc học bài và làm bài tập của học sinh.

 + Thường xuyên liên hệ với giáo viên bộ môn để làm kèm cặp giúp đỡ thêm.

 + Quản lý học sinh lớp phụ trách.

 + Thực hiện đầy đủ chương trình đề ra có điều chỉnh nếu thấy cần thiết nhưng phải qua tổ chuyên môn và BGH mới thực hiện.

 + Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các chuyên đề mà hội đồng chuyên môn ngành đề ra.

 3**. Triển khai thực hiện giáo dục STEM trong dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Môn | Bài học | GV dạy | Lớp dạy | Thời điểm thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Tin | Tạo phần mềm “Robot bán hàng” | Trương Văn Duyến | 10A1 | 3/2024 |  |

**4. Thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

- Chỉ tiêu phấn đấu: 100% học sinh tham gia học tập và đạt yêu cầu

- Biện pháp thực hiện:

 +  Sử dụng bộ sách giáo khoa do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam biên soạn, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ấn hành

 + Nhóm chuyên môn, giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch dạy học nội dung địa phương, soạn giảng theo chuẩn kiến thức kỹ năng.

 + Nhóm chuyên môn họp thống nhất chung về nội dung, phương pháp thực hiện đồng bộ giữa các giáo viên cùng bộ môn.

 + Tổ chức dự giờ rút kinh nghiệm các tiết dạy quy định trong chương trình.

 + Kiểm tra, đánh giá học sinh theo qui định, phân công của nhà trường

**5. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của GV trong tổ**

**-** Họ và tên GV kiểm tra: Lê Thị Duyên

- Chỉ tiêu phấn đấu: Tốt

- Biện pháp thực hiện:

+ Đối với thành viên ban kiểm tra: Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thông báo tới giáo viên được kiểm tra cũng như thời gian dự kiến kiểm tra. Hoàn thiện các biên bản, hồ sơ sau khi kiểm tra

+ Đối với giáo viên được kiểm tra

+> Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, chuẩn bị hai tiết dạy

 +> GV đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học mới, phù hợp với từng khối lớp, từng bài dạy, đối tượng học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |  *Kim Bảng, ngày tháng 08 năm 2023* **HIỆU TRƯỞNG** |
|  |  |